TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v "tranh chấp H đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hòa Ân;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Khuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Th Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc "tranh chấp H đồng vay tài sản", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Dáng Hương, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp Đất Đỏ, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Đất Đỏ, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 29/6/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà H trình bày*: Bà H và ông Th có mối quan hệ biết nên vào ngày 01/01/2022 ông Th mượn của bà H số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), thời gian trả là vào ngày 01/01/2023. Tiếp đến vào ngày 25/11/2022 ông Th mượn thêm số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thời gian trả là vào ngày 25/12/2022. Tất cả những lần mượn tiền thì ông Th có ký tên xác

nhận. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Th trả tiền nhưng ông Th cứ hẹn này đến lần khác mà không thực hiện. Nay Bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th phải có nghĩa vụ trả số tiền đã mượn là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Đối với lời trình bày của ông Th và bà Ch cho rằng số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) do ông Th mượn của bà H đã cộng vào cho bà Ch thành số tiền mà bà Ch ky 1nhận nợ của bà H là 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) là không có căn cứ vì số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) này là bà Ch mượn riêng của bà H chứ không liên quan gì đến số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) của ông Th mượn bà H. Việc bà Ch mượn của bà H số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) thì bà H đã khởi kiện tại Tòa án và đã có Quyết định thỏa thuận giữa bà H và bà Ch. Nay bà H khởi kiện ông Th số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) là số tiền ông Th mượn của bà H, không liên quan gì đến số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) bà Ch đã mượn của bà H.

- *Tại bản tự khai ngày 28/7/2023, quá trình tố tụng, bị đơn ông Th trình bày*: Ông Th thừa nhận là có mượn của bà H số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) vào ngày 01/01/2022 và ngày 25/11/2022 như bà H trình bày. Tuy nhiên số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) này thì ông Th mượn giùm cho cháu ông Th là bà Ch. Trước đó bà Ch cũng có mượn tiền bà H với số tiền là 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng). Vào ngày 09/5/2023 giữa bà H và bà Ch tính toán lại và chốt lại số tiền mà bà Ch còn nợ lại bà H, trong đó có số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) mà ông Th mượn giùm cho bà Ch nên bà H mới cộng và tính thành số tiền mà bà Ch còn nợ bà H là 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng). Bà Ch đồng ý trả số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng). Giữa bà Ch và bà H mới viết lại giấy mượn tiền ngày 09/5/2023 với tổng số tiền bà Ch còn nợ lại bà H là 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng). Số tiền tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) này bà H đã khởi kiện bà Ch và đã được Tòa án huyện Dầu Tiếng giải quyết và đã ra Quyết định thỏa thuận của các đương sự. Nay bà H khởi kiện ông Th tiếp số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) nữa thì ông Th không đồng ý trả nữa, vì số tiền này bà Ch và bà H đã thỏa thuận với nhau là bà Ch sẽ trả thay cho ông Th nên mới cộng dồn vào thành số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng) mà bà Ch nợ bà H.

- *Tại bản tự khai ngày 08/7/2023, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ch trình bày*: Bà Ch hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Th. Trước đây bà Ch có mượn tiền bà H với tổng số tiền là 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng). Số tiền tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) mà ông Th mượn của bà H là do ông Th mượn giùm cho bà Ch, việc thỏa thuận giữa ông Th và bà Ch chỉ bằng miệng. Vào ngày 09/5/2023 giữa bà Ch và bà H tính toán lại và chốt lại số tiền mà bà Ch còn nợ lại bà H, trong đó bao gồm có số tiền bà Ch mượn của bà H là 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng) và số tiền mà ông Th mượn hium2 cho bà Ch là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) nên bà H mới tính thành số tiền 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng), Sau đó bà H viết giấy nợ

vào ngày 09/5/2023 với số tiền bà Ch còn nợ bà H là 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng). Số tiền này bà H đã khởi kiện bà Ch và đã được Tòa án giải quyết xong. Nay bà H khởi kiện ông Th số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) nữa là không đúng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp H đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn đang cư trú tại xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn ông Th trả số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), chứng cứ mà nguyên đơn khởi kiện là giấy mượn tiền ngày 01/01/2023 và giấy mượn tiền ngày 25/10/2022. Theo nội dung trong 02 tờ giấy mượn tiền thì ông Th có mượn của bà H số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ông Th và bà Ch cho rằng số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) này là do ông Th mượn giùm cho bà Ch nên bà H đã tính gộp vào số tiền 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng) bà Ch đã mượn của bà H trước đó nên tổng cộng mà bà Ch nợ bà H là 318.000.000 đồng (ba trăm mười tám triệu đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn ông Th đồng ý trả cho nguyên đơn bà H số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Lê Văn Th về việc "tranh chấp H đồng vay tài sản".

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn Th đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường H cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường H pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Văn Th phải nộp số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009113 vào ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

4. Trường H Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn